

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2021

V/v : "Ly hôn, nuôi con chung"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Hiệp; 2. Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bầy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19/10/2020 về việc kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXX-ST ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng , sinh năm 1974. (Có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn M , sinh năm 1971. (Có mặt tại phiên toà).

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ chị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã P, huyện K, Hải Dương vào năm 1993. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân do anh M ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập, xúc phạm chị, chửi bới các con. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh M thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị kiên quyết xin ly hôn anh M.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thị V, sinh năm 1993, đã trưởng thành tự lập và Đỗ Hải A, sinh ngày 15/5/2003. Cháu Hải A hiện đang ở cùng anh M. Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Hải A, tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai anh M trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị Ng trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bản thân anh cũng có ghen tuông, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và anh cũng đồng ý ly hôn chị Ng.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thị V, sinh năm 1993, đã trưởng thành tự lập và Đỗ Hải A, sinh ngày 15/5/2003. Cháu Hải A hiện đang ở cùng anh. Sau ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi cháu Hải A. Hiện anh làm công nhân, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tiết kiệm được 130.000.000đồng, số tiền này do chị Ng đang giữ. Anh yêu cầu chị Ng chia trả anh $\frac{1}{2}$ số tiền tiết kiệm được là 65.000.000đồng.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lần hòa giải: Chị Ng vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh M, anh M đồng ý ly hôn chị Ng; chị Ng và anh M thỏa thuận giao cháu Hải A cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh M tự nguyện không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung; Anh M yêu cầu chị Ng chia trả anh $\frac{1}{2}$ số tiền vợ chồng tiết kiệm được do chị Ng đang giữ 130.000.000đồng, chị Ng không đồng ý với lý do không có khoản tiền tiết kiệm trên.

Tại phiên tòa: - Chị Ng vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh M; nhất trí để anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hải A; chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; không nhất trí yêu cầu chia tài sản là tiền tiết kiệm như anh M yêu cầu.

- Anh M: Anh đồng ý ly hôn chị Ng; anh nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hải A, anh tự nguyện không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung; anh yêu cầu chị Ng chia trả anh $\frac{1}{2}$ số tiền 130.000.000đồng vợ chồng tiết kiệm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Xử cho chị Ng được ly hôn anh M; giao cho anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hải A cho đến khi cháu Hải A trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung; không giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Trần Thị Ng và anh Đỗ Văn M kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai và tại hai lần hòa giải, anh M đều thừa nhận bản thân anh có ghen tuông, cuộc sống chung có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay và anh đồng ý ly hôn chị Ng. Tại phiên tòa chị Ng vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh M, anh M cũng xác định nếu chị Ng cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ng và anh M thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ng được ly hôn anh M là phù hợp.

2/ *Về con chung*: Chị Ng và anh M có hai con chung là Đỗ Thị V, sinh năm 1993, đã trưởng thành tự lập và Đỗ Hải A, sinh ngày 15/5/2003. Cháu Hải A hiện đang ở cùng anh M. Tại các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành, chị Ng và anh M đều thỏa thuận giao cháu Hải A cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Hải A trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét anh M có công việc và thu nhập ổn định, xin được trực tiếp nuôi con, cháu Hải A cũng có ý kiến xin được ở cùng anh M, vì vậy cần giao cháu Hải A cho anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thỏa thuận giữa chị Ng và anh M, phù hợp với ý nguyện của cháu Hải A, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh M tự nguyện không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung, cần chấp nhận sự tự nguyện này của anh M.

3/ *Về tài sản chung và công nợ*: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M yêu cầu chị Ng chia trả anh ½ số tiền 130.000.000 đồng vợ chồng tiết kiệm được do chị Ng đang giữ. Tòa án đã giao cho anh M Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ về khoản tiền trên và đã giao cho anh M Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào liên quan đến khoản tiền anh yêu cầu và cũng không nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết. Sau này anh M cung cấp được căn cứ và có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

4/ *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị Ng được ly hôn anh Đỗ Văn M.

3/ Về quan hệ con chung: Chị Ng và anh M có hai con chung là Đỗ Thị V, sinh năm 1993, đã trưởng thành tự lập và Đỗ Hải A, sinh ngày 15/5/2003. Cháu Đỗ Hải A đang ở cùng anh M.

Giao cháu Đỗ Hải A cho anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Hải A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001587 ngày 16 tháng 10 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Ng và anh Mạnh. Báo cho chị Ng và anh M biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Kim Thành;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Phúc Thành, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Trung